| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN AN PHÚ**<br>TỈNH AN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 336/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21 – 7 – 2022
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung"

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Phạm Tuân.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Phan Phước Tân;

2. Ông Phan Công Văn.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Triệu Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Chau Sn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 244/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2022 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 386/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 451/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 490/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Bà Ro Ky G, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ 06, ấp HB2, xã ĐP, huyện AP, tỉnh An Giang.

*Bị đơn*: Ông A S, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ 06, ấp HB2, xã ĐP, huyện AP, tỉnh An Giang.

Bà Ro Ky G có mặt, ông A S vắng mặt không rõ lý do.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của bà Ro Ky G; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như Su:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Ro Ky G và ông A S do mai mối nên quen biết và đi đến hôn nhân vào năm 2011, có tổ chức lễ cưới theo phong tục Chăm, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐP, huyện AP, tỉnh An Giang (theo bản So Giấy chứng nhận kết hôn số 94/HT ngày 08/6/2021).

Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Đến đầu năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông A S thường xuyên có hành vi bạo lực gia đình đối với bà Ro Ky G và dùng những lời lẽ thô tục xúc phạm đến danh dự nhân phẩm của bà Ro Ky G. Đến ngày 05/6/2022, ông A S tiếp tục vô cớ đánh bà Ro Ky G, khiến bà Ro Ky G bị thương vùng đầu, vùng lưng và được người thân đưa đến bệnh viện Đa khoa Nhật Tân để điều trị. Do mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng, không thể hàn gắn nên bà Ro Ky G về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ ngày 06/5/2022 đến nay. Sự việc mâu thuẫn tôi cũng có báo cho ông Giáo Cả nhờ ông Giáo Cả giải quyết nhưng ông Giáo Cả không giải quyết, bà Ro Ky G cũng báo sự việc cho Công an xã ĐP. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà Ro Ky G yêu cầu được ly hôn với ông A S.

Về con chung: Thời gian chung sống bà Ro Ky G và ông A S sinh được 01 (một) con chung tên Y S, sinh ngày 17/12/2011. Con chung hiện đang do ông A S nuôi dưỡng.

Bà Ro Ky G đồng ý để ông A S được tiếp tục nuôi dạy con chung, không cấp dưỡng nuôi con chung do bản thân bà Ro Ky G hiện nay không có việc làm nên không có thu nhập để cấp dưỡng.

Về tài sản chung:

- Một chiếc xe mô tô hiệu Honda Blade, màu đỏ đen, biển kiểm soát số 68D1-587.76 chủ xe tên Ngô Thị T (chưa Sng tên Ro Ky G), được mua vào ngày 13/3/2021, tại cửa hàng Dịch vụ cầm đồ Phương Bắc, địa chỉ: Số 680/12A, 530 Nguyễn Trung Trực, thành phố RG, trị giá 12.500.000 (mười hai triệu năm trăm mười hai nghìn) đồng. Hiện do bà Ro Ky G quản lý và sử dụng.

- Một chiếc mô tô hiệu Yamaha Jupiter FI, màu đen đỏ, biển kiểm soát số 68H-031.75, xe chưa Sng tên cho ông A S đứng tên quyền sử dụng, được mua vào năm 2010 trị giá 18.000.000 (mười tám triệu) đồng. Hiện nay, chiết xe do ông A S quản lý sử dụng.

Tài sản chung hiện nay đã được phân chia, bà Ro Ky G đang quản lý sử dụng chiếc xe mô tô hiệu Honda Blade, màu đỏ đen, biển kiểm soát số 68D1-587.76; ông A S đang quản lý sử dụng chiếc mô tô hiệu Yamaha Jupiter FI, màu đen đỏ, biển kiểm soát số 68H-031.75. Do đó, bà Ro Ky G rút lại yêu cầu khởi kiện đối với tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà Ro Ky G cho biết năm 2022, bà Ro Ky G và ông A S vay của Ngân hàng Chính sách xã hội huyện AP số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) để có vốn làm ăn.

Bà Ro Ky G rút lại yêu cầu chia nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 15/7/2022, ông A S cho biết: Ông A S thống nhất với bà Ro Ky G về điều kiện và thời gian đi đến hôn nhân, về thời gian và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Ông A S đồng ý ly hôn với bà Ro Ky G. Về con chung: Thời gian chung sống, ông A S và bà Ro Ky G sinh được 01 con chung tên Y S, sinh ngày 17/12/2011. Con chung hiện đang do ông A S nuôi dưỡng, ông A S yêu cầu được nuôi dạy con chung, không yêu cầu bà Ro Ky G cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập ông A S để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 10/6/2022 nhưng ông A S vắng mặt không rõ lý do.

Ngày 10/6/2022, bà Ro Ky G có đơn yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ cần thiết cho việc giải quyết vụ án, yêu cầu không tiến hành hòa giải và xin được vắng mặt khi vụ án được đưa ra xét xử do làm ăn xa. Ngoài ra, bà Ro Ky G có đơn yêu cầu rút lại yêu cầu giải quyết về vấn đề tài sản chung và nợ chung.

- Về tài liệu, chứng cứ:

Các tài liệu, chứng cứ do bà Ro Ky G giao nộp: Sổ hộ khẩu mang tên A S (bản photo); Căn cước công dân mang tên Ro Ky G (bản So); Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Ngô Thị Thâm (bản photo); Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 94/HT ngày 08/6/2021 (bản So); Giấy khai sinh mang tên Y S (bản So); Giấy tờ mua bán xe (bản photo); Sổ vay vốn tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện AP (bản photo); Giấy tờ khám chữa bệnh tại Bệnh viện Đa khoa NT, thành phố CĐ, tỉnh An Giang (bản photo); Bản tự khai, Đơn khởi kiện cùng ngày 11/5/2022 của bà Ro Ky G (bản chính).

Các tài liệu, chứng cứ do ông A S giao nộp: Không có.

Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 27/6/2022.

- Theo biên bản lấy lời khai người làm chứng, ông A L cho biết: Ông A L là ông Giáo Cả trong cộng đồng người dân tộc Chăm tại xã ĐP. Ông A L có thể nghe, nói, đọc, viết tiếng Việt nên không yêu cầu người phiên dịch. Về mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa bà Ro Ky G và ông A S thì ông A L có biết. Sự việc xảy ra khoảng một tháng trước, ông A S đánh bà Ro Ky G, nguyên nhân theo ông A L là do bà Ro Ky G chửi mẹ của ông A S. Gia đình bà Ro Ky G có đến báo cho ông A L, nhưng do đã khuya nên ông A L hẹn đến sáng mai sẽ hòa giải cho cả hai. Ông A L chưa kịp hòa giải thì gia đình của bà Ro Ky G đã khiếu nại đến Công an xã và khởi kiện tại Tòa án. Ông A L đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, ông A L không có ý kiến khác. Ông A L cũng yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án triệu tập tham gia xét xử.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện AP:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Ông A S vắng mặt lần thứ hai không lý do; bà Ro Ky G có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 207, Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Theo trình bày của bà Ro Ky G và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà Ro Ky G và ông A S đã đến mức trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Do đó, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Ro Ky G. Về con chung: Ông A S được trực tiếp nuôi dạy con chung tên: Y S, sinh ngày 17/12/2011, bà Ro Ky G không phải cấp dưỡng để nuôi dạy con chung.Về tài sản chung, nợ chung: Đình chỉ yêu cầu giải quyết về vấn đề tài sản chung, nợ chung do bà Ro Ky G rút lại yêu cầu khởi kiện.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho tòa án; không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Su khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bị đơn ông A S đều vắng mặt không lý do; đồng thời, ông Ro Ky G đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Như vậy, ông A S đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình. Nguyên đơn bà Ro Ky G có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, vụ án được xem là không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết:

Hôn nhân giữa ông A S và bà Ro Ky G hình thành do tự tìm hiểu và tiến đến hôn nhân vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐP, huyện AP (theo bản So Giấy chứng nhận kết hôn số 94/HT ngày 08/6/2021). Ông A S có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Ấp HB2, xã ĐP, huyện AP, tỉnh An Giang nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện AP, tỉnh An Giang theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và quy định tại Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Ro Ky G và ông A S sống ly thân nhau từ tháng 5/2022, nguyên nhân do ông A S có hành vi bạo lực gia đình đối với bà Ro Ky G. Ông Giáo Cả mặc dù chưa hòa giải cho cả hai nhưng cũng xác nhận sự việc ông A S có đánh bà Ro Ky G, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Nam nữ khi tiến đến hôn nhân đều hướng đến mục đích là xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững nhưng giữa ông A S và bà Ro Ky G lại tồn tại những mâu thuẫn không thể hàn gắn dẫn đến đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Cả hai đã sống ly thân nhau từ đầu tháng 5/2022 cho đến nay. Quá trình sống ly thân, cả hai đã không hàn gắn tình cảm vợ chồng, gia đình hai bên cũng không có sự động viên, hòa giải. Điều này đã cho thấy sự vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Từ những phân tích nêu trên, có thế nhận thấy mâu thuẫn hôn nhân giữa ông A S và bà Ro Ky G đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Ro Ky G theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Su khi xem xét điều kiện nuôi con của bà Ro Ky G và ông A S. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quyết định để ông A S được trực tiếp nuôi dạy con chung tên: Y S, sinh ngày 17/12/2011. Ghi nhận sự tự nguyện của ông A S về việc không yêu cầu bà Ro Ky G phải cấp dưỡng để nuôi dạy con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Bà Ro Ky G cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của ông A S. Ngược lại, ông A S cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở bà Ro Ky G trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Ro Ky G có đơn xin rút lại yêu cầu về việc chia tài sản chung và trả nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu về việc chia tài sản chung và nợ chung theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ông A S cũng yêu cầu tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Tuy nhiên, nếu Su này các đương sự có yêu cầu về tài sản chung, nợ chung thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác:

Bà Ro Ky G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông A S không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà Ro Ky G và ông A S có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;*

*Căn cứ Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;*

*Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.*

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ro Ky G.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Ro Ky G được ly hôn với ông A S.

2. Về con chung: Ông A S được trực tiếp nuôi dạy con chung tên: Y S, sinh ngày 17/12/2011. Bà Ro Ky G không phải cấp dưỡng để nuôi dạy con chung.

Bà Ro Ky G cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của ông A S. Ngược lại, ông A S cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở bà Ro Ky G trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung của bà Ro Ky G.

4. Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác: Bà Ro Ky G phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào số tiền 682.000 (sáu trăm tám mươi hai nghìn) đồng tạm ứng án phí mà bà Ro Ky G đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006959 ngày 24/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AP, tỉnh An Giang. Bà Ro Ky G được hoàn lại 382.000 (ba trăm tám mươi hai nghìn) đồng.

Ông A S không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

5. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai có mặt bà Ro Ky G, vắng mặt ông A S. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Ro Ky G có quyền

kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của ông A S là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

6. Giấy chứng nhận kết hôn số 94/HT, quyển số 01/2011 ngày 08/6/2011 của Ủy ban nhân dân xã ĐP, huyện AP, tỉnh An Giang cấp cho ông A S và bà Ro Ky G không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

7. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện AP;
- THADS huyện AP;
- UBND xã ĐP;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Phạm Tuân**